

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 30-10-2020

V/v tranh chấp: “Ly hôn, Nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Tuyên.

Các Thẩm phán: 1/ Ông Huỳnh Văn Ngoan.

2/ Bà Lưu Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2020/TLPT-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp “Ly hôn, Nuôi con”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 220/2020/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 433/2020/QĐ-PT ngày 05 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Mai Trần Thị Hồng T, sinh năm 2001 (có mặt);

Địa chỉ: Đường N, Khu phố B, Phường M, thị xã G, Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Trần Thanh L, sinh năm 2000 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã B, thị xã G, Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trương Thị Tuyết M, sinh năm 1977 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã B, thị xã G, Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Trần Thanh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

* *Nguyên đơn chị Mai Trần Thị Hồng T trình bày:* Chị và anh L sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn từ năm 2018 đến tháng 8 năm 2019

thì phát sinh mâu thuẫn do mẹ chồng khó khăn, anh L thường xuyên đánh chị, chị phải về nhà cha mẹ ruột ở và không được quyền chăm sóc con. Nay tình cảm không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Mai Bảo T1, sinh ngày 05 tháng 01 năm 2019. Hiện nay cháu T1 do anh L và mẹ chồng là bà M trực tiếp nuôi. Chị yêu cầu Tòa án buộc anh L, bà M cùng có nghĩa vụ giao cháu T1 cho chị trực tiếp nuôi vì hiện nay cháu T1 còn quá nhỏ dưới 36 tháng tuổi, anh L đi làm mỗi ngày để cháu T1 cho bà M chăm sóc và gia đình bà M ngăn cản chị đến thăm con; không yêu cầu anh L cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không tranh chấp.

Về nợ chung: Không có.

* *Bị đơn anh Trần Thanh L trình bày:* Chị T ly hôn anh đồng ý vì sống chung không hợp tính tình.

Về con chung: Anh chị có 01 người con chung tên Mai Bảo T1, sinh năm 2019 hiện do anh và bà M trực tiếp nuôi. Anh không đồng ý giao con cho chị T vì chị T không biết cách chăm sóc con, chị T bỏ đi từ khi cháu T1 mới 11 tháng tuổi, ít khi về thăm cháu, khi nào cháu T1 thích nghi được với chị T thì anh mới đồng ý giao.

Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Tuyết M trình bày:* Cháu T1 là con chung của chị T với anh L. Chị T với anh L sống chung không hợp nên chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột ở và để cháu T1 cho bà với anh L chăm sóc từ khi cháu T1 11 tháng tuổi đến nay. Trước yêu cầu khởi kiện của chị T, bà không đồng ý giao cháu T1 cho chị T trực tiếp nuôi vì chị T không biết cách chăm sóc con; khi nào cháu T1 03 đến 04 tuổi thì bà sẽ giao cho chị T nuôi.

* *Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 220/2020/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng các điều 28, 35, 39, 92, 147, 227, 228 Bộ luật Tổ tụng dân sự; các điều 14, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Trần Thị Hồng T yêu cầu được ly hôn với anh Trần Thanh L.

2. Về quan hệ hôn nhân giữa chị Mai Trần Thị Hồng T và anh Trần Thanh L không được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng.

3. Về con chung: Buộc bà Trương Thị Tuyết M và anh Trần Thanh L có nghĩa vụ giao cháu Mai Bảo T1, sinh ngày 05 tháng 01 năm 2019 cho chị Mai Trần Thị Hồng T trực tiếp nuôi ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Trong trường hợp cần thiết, chị Mai Trần Thị Hồng T và anh Trần Thanh L được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nếu có.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 21/7/2020, bị đơn anh Trần Thanh L có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh L và chị T là khi nào chị T quen dần với cháu T1 thì anh giao con cho chị T.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: Anh L kháng cáo yêu cầu được nuôi dưỡng con chung nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, cháu T1 hiện chỉ mới 22 tháng tuổi nên án sơ thẩm giao cho chị T nuôi dưỡng là có căn cứ. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh L, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã G.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Mai Trần Thị Hồng T có đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn và nuôi dưỡng con chung với anh Trần Thanh L. Anh L cư trú tại thị xã G, tỉnh Tiền Giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Chị Mai Trần Thị Hồng T có đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn và nuôi dưỡng con chung với anh Trần Thanh L. Án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp xin ly hôn, nuôi dưỡng con chung là có căn cứ đúng theo quy định tại Điều 51, 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Đơn kháng cáo của anh Trần Thanh L đúng quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung kháng cáo: Bị đơn anh Trần Thanh L có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng giao con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Anh L, chị T, bà M cùng thống nhất cháu Mai Bảo T1 sinh ngày 05/01/2019 là con chung của anh L và chị T nên căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự xác nhận cháu Mai Bảo T1 là con chung của anh L và chị T.

Xét điều kiện về kinh tế để nuôi dưỡng cháu T1, anh L và chị T đều có đủ điều kiện. Tuy nhiên, Tòa án đã tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh L và chị T, cháu T1 chỉ phải sống với mẹ hoặc cha đã là sự thiệt thòi cho cháu, do đó giao cháu cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải đảm bảo bù đắp được cho cháu sự thiệt thòi. Khi chị T bỏ đi, cháu T1 chỉ mới 11 tháng tuổi, đang trong lứa tuổi phát triển về mặt thể chất và tinh thần, rất cần sự chăm sóc của người mẹ nhưng chị T lại bỏ đi, giao cháu T1 cho anh L nuôi dưỡng từ khi mới 11 tháng tuổi cho đến hiện nay. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị T thừa nhận là chị bỏ đi để cháu T1 lại cho anh L nuôi dưỡng, bốn tháng sau khi bỏ đi chị mới về thăm cháu, từ thời gian bỏ đi đến nay chị T chỉ mới về thăm cháu được 5, 6 lần. Chị T hiện chỉ mới 19 tuổi còn rất trẻ. Tại tòa phúc thẩm, chị T yêu cầu nuôi dưỡng con chung nhưng chị không trình bày được cách thức nào để cho cháu T1 thích nghi với môi trường mới khi về ở với mẹ; nếu giao cháu T1 cho chị nuôi, chị sẽ để cho mẹ chị chăm sóc cháu.

Từ 11 tháng tuổi, cháu T1 đã trực tiếp sinh sống với anh L, thời gian đến nay đã hơn một năm, cháu đã ổn định và phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Bản thân chị T làm mẹ nhưng trong lúc đứa trẻ cần người mẹ thì chị T lại bỏ đi mà không có sự quan tâm gì đến cháu. Mặc dù cháu mới 22 tháng tuổi nhưng anh L đã có thời gian hơn một năm chăm sóc cháu, đã hiểu hết cách để chăm sóc cho trẻ dưới 36 tháng tuổi, do đó không nhất thiết phải giao cho mẹ mới đảm bảo chăm sóc tốt cho cháu. Án sơ thẩm căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cháu T1 chưa đủ 36 tháng tuổi nên cần phải giao cháu T1 cho chị T trực tiếp nuôi là chưa có căn cứ và chưa phù hợp với thực tế hiện nay của cháu T1.

Từ những căn cứ trên, nhận thấy yêu cầu kháng cáo của anh L về việc yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 là có căn cứ được chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh L, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực kể từ khi hết thời gian kháng cáo, kháng nghị.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên anh L không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 92, 147, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 14, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Trần Thanh L.

Sửa một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 220/2020/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Trần Thị Hồng T yêu cầu được ly hôn với anh Trần Thanh L.

2. Về quan hệ hôn nhân giữa chị Mai Trần Thị Hồng T và anh Trần Thanh L không được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng.

3. Về con chung: Giao cháu Mai Bảo T1, sinh ngày 05 tháng 01 năm 2019 cho anh Trần Thanh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn; chị Mai Trần Thị Hồng T không cấp dưỡng nuôi con chung, do anh L không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

4. Về án phí:

Chị Mai Trần Thị Hồng T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 43716 ngày 16 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Tiền Giang. Như vậy chị Mai Trần Thị Hồng T đã nộp đủ án phí.

Hoàn lại anh Trần Thanh L 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 43919 ngày 21 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Tiền Giang

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã G;
- CCTHADS thị xã G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Ngọc Tuyền